

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DH
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2025

*V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DH, TỈNH BL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tâm
2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Dừa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T2, xã LD, huyện DH, tỉnh BL. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp T2, xã LD, huyện DH, tỉnh BL. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thu Đ, trình bày: Vào năm 2009, bà Đ và ông Trần Duy T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LD, huyện DH, tỉnh BL, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 361, ngày 11 tháng 9 năm 2009. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông T sinh được hai người con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày

19/5/2010 và Trần Ngọc V, sinh ngày 12/4/2014. Hiện cháu H và cháu V đang sống chung với bà T.

Về tài sản chung: Bà Đ và ông T không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Đ và ông T không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Sau khoảng thời gian hơn 10 năm chung sống, bà Đ và ông T dần dần nảy sinh những bất đồng trong hôn nhân, mâu thuẫn bắt đầu từ việc ông T uống rượu nhiều hơn, không quan tâm vợ con và chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Thỉnh thoảng sau khi uống rượu, ông T có ý định sử dụng bạo lực đối với bà Đ. Ngoài ra, ông T có biểu hiện không chung thủy trong hôn nhân, thể hiện qua việc nhiều lần chụp hình thân mật cùng người phụ nữ khác và đăng lên trang mạng xã hội.

Sau nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả, bà Đ nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên đã sống ly thân với ông T từ tháng 02/2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả bà Đ và ông T đều không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 19/5/2010 và Trần Ngọc V, sinh ngày 12/4/2014, bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Duy T: Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Đ cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông T, xử cho bà Đ được ly hôn với ông T. Về con chung, giao các cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 19/5/2010 và Trần Ngọc V, sinh ngày 12/4/2014 cho bà Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Đ không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Trần Duy T và hiện nay ông T Đư trú tại ấp T2, xã LD, huyện DH, tỉnh BL nên Tòa án nH dân huyện DH thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nH dân huyện DH đã triệu tập ông T tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng cả hai lần ông T đều vắng mặt không có lý do và bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông T.

[3] Về hôn nH: Bà Đ và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã LD, huyện DH, tỉnh BL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 361, ngày 11 tháng 9 năm 2009 nên hôn nH giữa bà Đ và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T vì cho rằng trong nhiều năm gần đây, cả hai liên tục nảy sinh những bất đồng trong hôn nH, cụ thể từ việc ông T thường xuyên uống rượu, có biểu hiện sử dụng bạo lực đối với bà Đ. Trong cuộc sống hằng ngày ít quan tâm vợ con và không chú trọng đến việc chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, bà Đ còn nghi ngờ ông T không chung thủy trong hôn nH. Sau nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T trở nên trầm trọng hơn dẫn đến việc cả hai đã sống ly tH với nhau từ tháng 02/2025 đến nay mà không có biện pháp gì để hàn gắn.

Qua nội dung biên bản xác minh tại địa phương vào ngày 13/5/2025, xác định được việc bà Đ và ông T đã sống ly tH với nhau là có xảy ra trên thực tế, các con chung của bà Đ và ông T hiện Đ được bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, điều này phù hợp với lời khai của bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nH tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển nhưng từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nH giữa bà Đ và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đòi

sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Dương cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đối với ông T, xử cho bà Được ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Kể từ khi bà D và ông T sống ly thân với nhau, các cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 19/5/2010 và Trần Ngọc V, sinh ngày 12/4/2014 vẫn luôn được bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay các cháu đã có cuộc sống ổn định. Đồng thời, qua ghi nhận ý kiến, các cháu Trần Ngọc H, Trần Ngọc V đều thể hiện nguyện vọng được sống chung với bà D khi cha mẹ ly hôn. Bản thân ông T cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu H và cháu V, có cơ sở giao các cháu cho bà D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định bà D và ông T chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà D phải nộp 300.000 đồng. Bà D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006676 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tại phiên tòa, như đã pH tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thu Đ đối với ông Trần Duy T. Xử cho bà Nguyễn Thu Đ được ly hôn với ông Trần Duy T.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 19/5/2010 và Trần Ngọc V, sinh ngày 12/4/2014 cho bà Nguyễn Thu Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Thu Đ không có yêu cầu ông Trần Duy T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông Trần Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà Nguyễn Thu Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006676 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- UBND xã LD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Huỳnh Ngọc Nhiều